

Bản án số: 50/2017/DS-ST

Ngày: 26-7-2017

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Ngữ
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn T, sinh năm 1941; địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* 2.1 Anh Nguyễn Văn D sinh năm 1977 (vắng mặt). ;

2.2 Chị Nguyễn Thị R sinh năm 1980 (có mặt). ;

Cùng địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị H sinh năm 1950; địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông

Nguyễn Tấn D (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H) trình bày:

Nguyên ông T là chủ doanh nghiệp tư nhân Phước H hành nghề kinh doanh xăng dầu chuyên cung ứng dầu DO và các phụ kiện khác cho tàu cá đánh bắt thủy sản. Trong quá trình kinh doanh, từ năm 2011, ông T đã nhiều lần bán dầu cho anh D và chị R. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, thời gian trả tiền là ngay sau khi đánh bắt vào. Tính đến ngày 07/3/2012, anh D và chị R còn nợ lại số tiền 83.051.000 đồng. Do bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận nên ông T gửi đơn yêu cầu giải quyết. Sau buổi hòa giải tại địa phương, anh D và chị R có trả được số tiền 29.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 54.051.000 đồng. Mặc dù ông T nhiều lần nhắc nhở nhưng anh D và chị R vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó nay ông T yêu cầu anh D và chị R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 54.051.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:

Chị thừa nhận từ năm 2011 vợ chồng chị đã nhiều lần mua dầu từ ông T, tính đến ngày 07/3/2012, vợ chồng chị còn nợ lại ông T số tiền 83.051.000 đồng. Nguyên nhân vi phạm nghĩa vụ thanh toán thời điểm này là do ghe của gia đình bị tàu buôn đụng nên gặp khó khăn về kinh tế. Sau khi hòa giải tại địa phương vợ chồng chị đã trả cho ông T số tiền 29.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 54.051.000 đồng. Nay vợ chồng chị cũng đồng ý trả số tiền còn lại theo yêu cầu của ông T. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin ông T cho trả dần.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. R anh D vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trên cơ sở kết quả hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị R thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán dầu với nguyên đơn và hiện còn nợ lại số tiền 54.051.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Về nghĩa vụ liên đới, tại biên bản xác minh cho thấy anh D và chị R là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định và cùng làm kinh tế chung nên có cơ sở xác định đây là nợ chung nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ vào các điều 430, 440 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 54.051.000 đồng. Lãi suất thi hành án sẽ được giải quyết theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 54.051.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Mặc dù việc giao kết hợp đồng mua bán dầu giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, chỉ được theo dõi qua sổ ghi chép của hai bên nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị R hoàn toàn thừa nhận từ năm 2011 đã nhiều lần cùng với chồng là anh Nguyễn Văn D giao kết hợp đồng mua dầu với nguyên đơn ông Lưu Văn T. Khi giao kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận thời điểm thanh toán ngay khi trở vào bờ, theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán. Tính đến ngày 07/3/2012, anh chị còn nợ ông T số tiền 83.051.000 đồng. Do ghe bị tàu buôn đụng nên anh chị chưa thanh toán số tiền trên theo yêu cầu của ông T. Sau khi hòa giải tại địa phương, anh chị có trả được số tiền 29.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 54.051.000 đồng. Bên cạnh đó, căn cứ vào trình bày của chị R và kết quả xác minh có cơ sở xác định anh D và chị R chung sống với nhau từ năm 2002, thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2008 và chung sống từ đó cho đến nay. Việc đánh bắt thủy sản là nghề nghiệp và là nguồn thu nhập chính của gia đình. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu anh D và chị R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc chị R yêu cầu được trả số tiền trên bằng hình thức trả dần không được phía nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch (54.051.000đ x 5%): 2.702.550đ (hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm năm mươi đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh D và chị R phải liên đới nộp. Tuy nhiên do anh D và chị R thuộc diện hộ nghèo nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T. Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lưu Văn T số tiền là 54.051.000đ (năm mươi bốn triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc chị R yêu cầu trả số tiền 54.051.000 đồng bằng hình thức trả dần.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị R thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp số tiền 2.702.550đ (hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho ông Lưu Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.351.000đ (một triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007262 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên